

Bản án số: 17/2019/HSST

Ngày 25 - 01 - 2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mầu Văn Mùi

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Kim Dung và bà Nguyễn Thị Thúy Nga

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Kiều Thị Hằng, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố V

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Thanh Huyền, Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 157/2018/HSST ngày 27 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

**1. Trần Văn D**, sinh ngày 09/9/1978; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu 13, xã HĐ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Ch; có vợ là Phan Thị N (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 28/9/2018 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam, Công an tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

**2. Hoàng Văn H**, sinh ngày 06/9/1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 39, phường TC, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Hoàng Th và bà Tạ Thị T; có vợ là Lưu Thị Hải Y (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án: 01, Bản án số 109/2017/HSST ngày 31/7/2017, Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh Phú Thọ xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 82/2018/HSST ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố VT tỉnh Phú Thọ xử phạt 24 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” (phạm tội ngày 05/4/2018). Tổng hợp với hình phạt của Bản án số 109/2017/HSST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh Phú Thọ. Buộc H phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 25

tháng 06 ngày tù; thời hạn tù tính từ ngày 05/4/2018; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Tân Lập – Bộ Công an.

**3. Nguyễn Văn C**, sinh ngày 16/4/1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn CT, xã ĐT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; văn hóa: 4/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn C và bà PH1 Thị Ng; có vợ là Nguyễn Thị V (đã chết) có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 12/2018/HSST ngày 12/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 02 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” (phạm tội ngày 15/11/2017), thời hạn tù tính từ ngày 15/11/2017; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Vĩnh Quang - Bộ Công an (có mặt).

**4. Đào Thị Thanh H**, sinh ngày 29/3/1998; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu 2, xã SL, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Đào Quốc L và bà Nguyễn Thị H; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 09/10/2018, đến ngày 27/12/2018, tại ngoại (có mặt).

**Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C:** Bà Kim Hồng T, trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

**Bị hại:** Anh Phạm Thanh H1, sinh năm 1987; nơi cư trú: Khu 13, xã Phú Hộ, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Anh Trần Văn T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Khu 13, xã HĐ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- Chị Trần Thị H, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu 13, xã PH, thị xã PT, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Mạnh T1, sinh năm 1992; nơi cư trú: HL, phường KQ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ 00 phút ngày 11/11/2017, Trần Văn D cùng Đào Thị Thanh H, Nguyễn Văn C và Hoàng Văn H đang ngồi uống nước tại khu vực gầm cầu vượt thuộc km 6, xã KL, huyện TD thì H nhận được tin nhắn điện thoại của anh Phạm Thanh H1 rủ đi chơi, H đưa điện thoại cho D đọc tin nhắn. Do ghen tuông và bức tức, D nói “*Phải gặp đánh cho nó một trận*” và bảo H hện H1 xuống V đánh cho anh H1 một trận. H đồng ý và hện gặp H1 tại khu vực DL, phường LB, thành phố V. Sau đó D nói với C và H việc H1 đã có vợ

nhưng vẫn nhắn tin cho H tán tỉnh và rủ C, H đi cùng D ra đánh anh H1, C và H đều đồng ý.

Đến 13 giờ 30 phút, cùng ngày anh H1 gọi điện cho H hẹn gặp nhau tại khu vực vườn hoa DL, phường LB, thành phố V. H đồng ý và bảo với D. D gọi điện cho H bảo đến phòng trọ của D để đi ra Dốc Láp, H1 sắp xuống rồi, H đồng ý và đến phòng trọ của D, D bảo H *“Lát ra gặp đánh cho nó một trận sau đó lấy của nó khoảng vài triệu cho nó nhớ”* (ý D bảo H đánh anh H1 và chiếm đoạt tiền, tài sản của anh H1 để trừng phạt anh H1 vì đã rủ rê, tán tỉnh H). H hiểu ý và nói *“Việc này tôi làm tốt, không ảnh hưởng gì đến ông”*. D đi vào phòng ngủ bảo H gọi taxi đi ra gặp H1 sau đó đưa H1 vào quán nước nào đó. H gọi taxi (không nhớ biển kiểm soát và xe của hãng nào) đi ra khu vực DL, D điều khiển xe máy Dream của D và H điều khiển xe máy Wave BKS 88H6-8147 của D chở C đi theo sau xe taxi chở H. Khoảng 30 phút sau, anh H1 điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu sơn trắng BKS 19N1-115.34 đi đến chỗ H, H lên xe ngồi sau anh H1 và bảo anh H1 đi về phía ngã 5 GV. D, H điều khiển xe máy đi theo sau anh H1. Khi đi đến khu vực ngã 5 Góc Vòng, H bảo anh H1 đi vào quán nước vỉa hè cạnh tòa nhà V, anh H1 dừng xe thì H xuống xe, lúc này anh H1 nhìn qua gương chiếu hậu xe máy thấy phía sau có D, C và H đi xe máy theo sau và nghi ngờ có người theo dõi mình nên điều khiển xe máy vòng quay lại để đi về phía DL thì D, H điều khiển xe máy chặn trước đầu xe máy của anh H1. D bảo C đưa anh H1 về Km số 4 và đưa vào đồi vận tải. Lúc này, do H không muốn nhìn thấy D cùng đồng bọn đánh anh H1 nên D đưa xe máy Dream cho H về trước sau đó lên xe máy của H đưa anh H1 vào trong đồi vận tải. Tại đây, D hời dợt và xông vào tát liên tiếp 02 cái vào mặt anh H1, H dùng chân đá liên tiếp 02 – 03 cái vào người anh H1, C lấy 01 đoạn cành bạch đàn kích thước khoảng 80cm x 01cm giơ lên định vụt anh H1 làm anh H1 sợ ngã ra đất thì D can ngăn. D nhặt chiếc xi lanh nhựa có gắn kim tiêm (đã cũ, đã qua sử dụng) tại gốc cây gần chỗ anh H1 nằm cầm lên giơ trước mặt anh H1 và nói *“mày có thích tao đâm cho mày cái?”* làm anh H1 hoảng sợ ngồi bật dậy nói *“Em không, em không”*, thì D nói *“từ nay mày không được gọi điện và nhắn tin cho vợ tao nữa”*, anh H1 nói *“vâng”* thì D vụt chiếc xi lanh xuống đất và bảo C đi về phòng trọ lấy giấy, bút đem ra cho anh H1 viết lời hứa. Khi C về đến phòng trọ, H hỏi *“Các anh đưa nó đi đâu đấy”*, thì C nói đang giữ nó ở đồi bạch đàn. Thấy vậy, H điều khiển xe máy đi theo sau C. C đưa tờ giấy và chiếc bút cho H, thì D nói *“Cho nó viết lời hứa xong việc đưa nó ra đường cho nó về”*, còn D điều khiển xe máy Dream chở H đi về phòng trọ. H bắt anh H1 viết cam kết theo nội dung *“Tôi đã đi nhà nghỉ với H và chịu trách nhiệm về việc đi nhà nghỉ với H, từ nay không nhắn tin hay gọi điện cho H nữa”*. Sau đó, H bảo anh H1 phải đưa tiền phạt thì mới cho anh H1 về, do anh H1 không có tiền nên H bảo anh H1 gọi điện cho chị Hiền (vợ H1) nhưng

chị Hiền nói không có tiền. H yêu cầu anh H1 phải đem xe máy đi cầm cố lấy tiền đưa cho H. Sau đó C điều khiển xe máy BKS 19N1-115.34 chở anh H1 và H điều khiển xe máy Wave BKS 88H6-8147 đi theo sau C đến quán cầm đồ tại số nhà 136, đường TĐT, phường Kq, thành phố V và H buộc anh H1 bán chiếc xe BKS 19N1-115.34 cho anh Nguyễn Mạnh T1 với giá 10.000.000đ. Anh H1 đưa số tiền bán xe cho C, C đưa toàn bộ số tiền này cho H, H yêu cầu anh H1 viết 01 giấy vay tiền nội dung ngày 10/10/2017 anh H1 có vay của H 10.000.000đ, thời hạn vay là 01 tháng và hẹn đến ngày 11/11/2017 trả (*mục đích để hợp thức việc anh H1 đã bán xe máy lấy 10.000.000đ đưa cho H*) và H bảo C chở anh H1 ra đường quốc lộ 2A để anh H1 bắt xe về. Khi C đưa anh H1 ra đến bờ hồ HQ thuộc phường NQ, thành phố V, C bắt anh H1 đưa điện thoại Sam sung Galaxy Tab4 màu trắng (*bị vỡ màn hình*) sau đó C điều khiển xe máy đi đón H. Khi đi đến siêu thị điện máy HC, H đưa cho C 500.000đ mua 01 cục sạc dự phòng đưa cho H, H bảo C về trước H ở lại có việc nên C đi về phòng trọ của D. Đến 17 giờ cùng ngày chưa thấy H và C quay lại phòng trọ, D gọi điện thoại cho C hỏi về chưa thì C nói đang về. Vài phút sau C về đến phòng trọ, D hỏi làm gì bây giờ mới về và H đâu thì C nói khi nãy C và H đưa anh H1 đi cầm xe lấy 10.000.000đ đưa H và H đang ở siêu thị điện máy HC, D bảo C đi ra đón H về ngay. Ngay sau đó C ra đưa H về phòng trọ của D, D hỏi H tiền lấy của anh H1 đâu thì H nói đã bắt H1 bán xe máy được 10.000.000đ, H đã tiêu 5.200.000đ, hôm sau H trả, còn đưa cho D 4.800.000đ sau đó H ra về. Đến 19 giờ 30 phút cùng ngày, anh H1 đã đến Công an thành phố V trình báo.

Ngày 11/11/2017, Công an thành phố V đã tiến hành xem xét dấu vết trên thân thể của anh Phạm Thanh H1 xác định: *Tại vị trí đỉnh đầu bên phải phát hiện 01 đám vết xung nề kích thước (3x2)cm; tại vị trí má bên trái phát hiện 01 đám vết lằn xước da màu nâu đỏ kích thước (5x3)cm; tại vị trí sau lưng bên phải, bên trái phát hiện đám vết xung nề màu hồng đỏ kích thước (20x20)cm.*

Ngày 27/12/2017, Công an thành phố V có Quyết định trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc giám định thương tích của anh Phạm Thanh H1. Cùng ngày, anh H1 đã từ chối giám định thương tích lý do hiện tại sức khỏe của anh đã hồi phục, thương tích không đáng kể nên từ chối giám định và không yêu cầu bồi thường gì.

Tại Kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐG ngày 09/02/2018 của Hội đồng định giá UBND thành phố V kết luận: *“01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu sơn trắng, biển kiểm soát 19N1-115.34, xe đã cũ, đã qua sử dụng, trị giá 12.000.000đ”.*

Tại Kết luận định giá tài sản số 96/KL-HĐĐG ngày 22/6/2018 của Hội đồng định giá UBND thành phố V kết luận: *“01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy Tab màu trắng, đã cũ, đã qua sử dụng trị giá 800.000đ”*.

Cáo trạng số 03/CT-VKSVY ngày 27/12/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố các bị cáo Trần Văn D, Hoàng Văn H, Nguyễn Văn C về tội *“Bắt giữ người trái pháp luật”* theo khoản 1 Điều 123 và tội *“Cướp tài sản”* theo điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); bị cáo Đào Thị Thanh H về tội *“Bắt giữ người trái pháp luật”* theo khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Bị hại là anh Phạm Thanh H1; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Trần Văn T có mặt tại phiên tòa đã khai nhận như nội dung Cáo trạng nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa đều quá trình điều tra khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng.

*Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích đánh giá nhân thân, tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử:*

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn D, Hoàng Văn H, Nguyễn Văn C phạm tội *“Bắt giữ người trái pháp luật”* và tội *“Cướp tài sản”*; bị cáo Đào Thị Thanh H phạm tội *“Bắt giữ người trái pháp luật”*.

Áp dụng khoản 1 Điều 123; điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Trần Văn D từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội *“Cướp tài sản”* và 06 tháng đến 09 tháng tù về tội *“Bắt giữ người trái pháp luật”*. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Trần Văn D chấp hành hình phạt chung là 08 năm đến 08 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 28/9/2018).

Áp dụng khoản 1 Điều 123; điểm d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 50; Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội *“Cướp tài sản”* và 06 tháng đến 09 tháng tù về tội *“Bắt giữ người trái pháp luật”*. Tổng hợp hình phạt với 25 tháng 06 ngày tù tại Bản án số 82/2018/HSST ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ buộc H phải chấp hành hình phạt chung từ 10 năm 01 tháng 06 ngày đến

10 năm 10 tháng 06 ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/4/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 123, điểm d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 50; Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999 (*sửa đổi, bổ sung năm 2009*); xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 09 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*” và từ 05 tháng đến 07 tháng tù về tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*”. Tổng hợp hình phạt 02 năm tù tại Bản án số 12/2018/HSST ngày 12/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, buộc bị cáo C chấp hành hình phạt chung từ 09 năm 08 tháng đến 10 năm 04 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/11/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 123; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (*sửa đổi, bổ sung năm 2009*); xử phạt bị cáo Đào Thị Thanh H từ 03 đến 06 tháng tù về tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*” nhưng được trừ thời gian bắt tạm giam từ ngày 09/10/2018 đến ngày 27/12/2018, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 (*sửa đổi bổ sung năm 2009*) và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc xi lanh nhựa có gắn kim tiêm đã qua sử dụng và 03 đoạn cành cây gỗ; xác nhận Cơ quan điều tra đã thu và trả lại cho anh Phạm Thanh H1 xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu sơn trắng, BKS 19N1-115.34.

Áp dụng điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 (*sửa đổi bổ sung năm 2009*): Trả lại cho anh Phạm Thanh H1 số tiền 800.000đ trị giá chiếc điện thoại Sam sung Galaxy Tab màu trắng đã cũ do anh Trần Văn T tự nguyện nộp tại Cơ quan điều tra; xác nhận Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho anh Nguyễn Mạnh T1 số tiền 10.000.000đ.

Bị cáo không bào chữa và tranh luận gì, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo C đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 123, điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999 (*sửa đổi, bổ sung năm 2009*); xử phạt bị cáo C dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận:

Xuất phát từ việc ghen tuông nam nữ, khoảng 14 giờ ngày 11/11/2017 tại khu vực ngã 5 góc vùng thuộc xã ĐT, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, các bị cáo Trần Văn D, Hoàng Văn H, Nguyễn Văn C và Đào Thị Thanh H có hành vi bắt ép, đưa anh Phạm Thanh H1 đi đến đồi vận tải thuộc trường Sĩ quan tăng thiết giáp ở xã KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc trái ý muốn của anh H1. Quá trình bắt giữ anh H1 tại đồi Vận tải, D có hành vi dùng tay không tát 02 cái vào mặt anh H1 và dùng xi lanh nhựa có gắn kim tiêm đe dọa đâm anh H1; H dùng chân đá vào người và C dùng đoạn cành bạch đàn dọa đánh anh H1 làm anh H1 lâm vào tình trạng không thể chống cự được sau đó bắt anh H1 phải viết giấy cam kết từ nay không được gọi điện, nhắn tin liên lạc với H nữa đồng thời phải đem xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu sơn trắng, BKS 19N1-115.34 (trị giá 12.000.000đ) bán lấy 10.000.000đ đưa cho H và đưa chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam sung Galaxy Tab 4 màu trắng (trị giá 800.000đ) cho C. Trị giá tài sản chiếm đoạt của anh H1 là 12.800.000đ.

Với hành vi ngăn cản, tước đoạt sự tự do hoạt động, tự do dịch chuyển thân thể, xâm phạm sự tự do thân thể trái pháp luật đối với anh H1 của các bị cáo đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo đã phạm tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*” theo khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự. Tại khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự quy định: “1. *Người nào bắt, giữ ... người trái pháp luật, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm*”.

Hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc của các bị cáo Trần Văn D, Hoàng Văn H, Nguyễn Văn C làm anh H1 lâm vào tình trạng không thể chống cự được và chiếm đoạt tài sản của các bị cáo đã phạm vào tội “*Cướp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 133 của Bộ luật hình sự. Tại khoản 2 Điều 133 của Bộ luật hình sự quy định: “2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến đến mười lăm năm*:

d. *Sử dụng ... phương tiện nguy hiểm*”.

[2] Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền tự do của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Ngoài ra các bị cáo Trần Văn D, Hoàng Văn H, Nguyễn Văn C còn có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc nhằm chiếm đoạt tài sản, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo để răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Xét vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Trong vụ án này các bị cáo D, H, C và H có sự bàn bạc, xong giữa các bị can không có sự câu kết, tổ chức, chỉ đạo chặt chẽ trong quá trình thực hiện tội phạm, do vậy chỉ là vụ án đồng phạm giản đơn.

Đối với bị cáo Trần Văn D là người khởi xướng việc bắt giữ, chuẩn bị phương tiện và chỉ đạo bị cáo Đào Thị Thanh H gọi điện hẹn gặp anh Phạm Thanh H1 tại thành phố V, sau đó rủ rê, chỉ đạo bị cáo Hoàng Văn H và bị cáo Nguyễn Văn C đi bắt giữ anh H1 trái pháp luật, rồi dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc đối với anh H1, ngay tức khắc chiếm đoạt tài sản của anh H1; D đồng thời là người thực hành tích cực bắt giữ và dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực đối với anh H1, làm anh H1 lâm vào tình trạng không chống cự được. Sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn và bị bắt ngày 28/9/2018. Tuy nhiên trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã tích cực tác động bồi thường thiệt hại cho bị hại và tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (*sửa đổi bổ sung năm 2009*).

Đối với bị cáo Hoàng Văn H cùng tham gia là người thực hành tích cực bắt giữ và chiếm đoạt tài sản của anh H1. Bị cáo là người có nhân thân xấu. Tại Bản án số 109/2017/HSST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” chưa được xóa án tích nhưng bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội ngày 11/11/2017. Sau đó còn bị Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xử phạt 24 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” (phạm tội ngày 05/4/2018 và tổng hợp với hình phạt của Bản án số 109/2017/HSST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ mà bị cáo chưa chấp hành xong là 03 tháng 20 cải tạo không giam giữ, quy định 03 ngày cải tạo không giam giữ bằng 01 ngày tù. H phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 25 tháng 06 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/4/2018 theo Bản án số 82/2018/HSST ngày 28/6/2018). Thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật, không biết ăn năn, hối cải để hoàn lương nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 (*sửa đổi, bổ sung năm 2009*). Tuy nhiên sau khi thực hiện hành vi phạm tội, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (*sửa đổi bổ sung năm 2009*).

Đối với bị cáo Nguyễn Văn C cùng tham gia là người thực hành tích cực bắt giữ và chiếm đoạt tài sản của anh H1. Sau khi bị cáo thực hiện hành vi

phạm tội ngày 11/11/2017 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 02 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” (phạm tội ngày 15/11/2017 ) tại Bản án số 12/2018/HSST ngày 12/3/2018. Do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội này và bị xét xử sau khi thực hiện hành vi phạm tội trước nên không tính tái phạm là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (*sửa đổi, bổ sung năm 2009*).

Đối với bị cáo Đào Thị Thanh H là người giúp sức tích cực để các bị cáo D, H, C thực hiện hành vi bắt giữ anh H1 trái pháp luật. Sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn và bị bắt truy nã ngày 09/10/2018. Tuy nhiên trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (*sửa đổi, bổ sung năm 2009*).

Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V xử phạt các bị cáo hình phạt tù và tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo D, H, C. Tính đến ngày xét xử 25/01/2019, bị cáo H đã chấp hành hình phạt tù của Bản án số 82/2018/HSST ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh Phú Thọ được 09 tháng 20 ngày tù, thời gian còn lại chưa chấp hành là 01 năm 03 tháng 16 ngày; bị cáo C đã chấp hành hình phạt tù của Bản án số 12/2018/HSST ngày 12/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc được 01 năm 02 tháng 10 ngày, thời gian còn lại chưa chấp hành là 09 tháng 20 ngày tù.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Đối với anh Nguyễn Mạnh T1 có mua xe máy nhãn hiệu Honda Vision BKS 19N1-115.34 của anh H1 giá 10.000.000đ và cầm giấy tờ cá nhân của anh H1 và chị Hiền để anh Toàn làm thủ tục sang tên sau đó sẽ trả lại giấy tờ cá nhân cho anh H1. Anh Toàn không biết việc anh H1 bán xe là do bị ép buộc. Do vậy Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh Toàn là phù hợp.

[6] Về dân sự và xử lý vật chứng: Đối với xe máy Honda Vision màu trắng BKS 19N1-115.34 là tài sản hợp pháp của chị Trần Thị H và chị giao xe cho anh H1 làm phương tiện đi lại. Ngày 07/02/2018, Công an thành phố V đã

trả lại xe máy cho anh H1. Sau khi anh H1 đã nhận lại tài sản, không có đề nghị gì về chiếc xe máy này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xác nhận ngày 28/10/2018, anh Trần Văn T là em trai bị cáo D đã tự nguyện nộp tại Cơ quan điều tra số tiền 10.000.000đ để trả cho anh T1 và ngày 10/11/2018 nộp số tiền 800.000đ (trị giá chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam sung Galaxy Tab 4 màu trắng) để trả cho anh H1. Ngày 25/11/2018, Công an thành phố V đã trả lại cho anh T1 số tiền 10.000.000đ. Sau khi anh T1 đã nhận số tiền trên và không có yêu cầu gì, anh T không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với thương tích của anh H1 do anh H1 bị thương tích không đáng kể, hiện tại sức khỏe đã hồi phục nên không yêu cầu D cùng đồng phạm phải bồi thường thương tích.

Đối với 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 đăng ký xe mô tô BKS 19N1-115.34 đều mang tên Trần Thị Hi và 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thanh H1 là giấy tờ cá nhân của anh H1 và chị H. Ngày 07/02/2018, Công an thành phố V đã trả lại các giấy tờ trên cho anh H1. Sau khi anh H1 nhận lại các giấy tờ này và không có yêu cầu gì.

Đối với chiếc điện thoại Samsung galaxy Tab4 màu trắng bị vỡ màn hình là tài sản hợp pháp của anh Phạm Thanh H1. Sau khi bị Nguyễn Văn C chiếm đoạt, C về đưa cho Trần Văn D sử dụng, sau đó D đã làm rơi mất, không rõ rơi ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Anh H1 yêu cầu D cùng đồng phạm phải bồi thường cho anh số tiền 800.000đ.

Đối với 02 xi lanh nhựa có gắn kim tiêm đã qua sử dụng và 03 đoạn cành gỗ gồm: 01 đoạn dài 70cm, đường kính 3,5cm dạng cây hình cong thô sơ; 02 đoạn có kích thước dài 80cm x 01 cm là vật chứng của vụ án các bị cáo đã sử dụng để làm phương tiện đe dọa chiếm đoạt tài sản của anh H1 không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với xe máy nhãn hiệu Dream đã cũ không rõ biển kiểm soát (do Trung Quốc sản xuất) và xe máy Wave BKS 88H6-8147 là tài sản hợp pháp của Trần Văn D. Sau khi sự việc xảy ra D điều khiển xe máy Dream tham gia giao thông bị tai nạn nên xe bị hư hỏng nặng không sử dụng được, D đã bán sắt vụn được 200.000đ; còn xe máy Wave BKS 88H6-8147 do xe đã cũ, hay bị hư hỏng nên tháng 04/2018 D đã bán xe máy trên cho một người đàn ông không quen biết, không rõ địa chỉ được 1.000.000đ. Toàn bộ số tiền bán 02 xe máy trên mà có D đã tiêu sài cá nhân hết. Do vậy Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Đối với 01 giấy cam kết và 01 giấy vay tiền Hoàng Văn H bắt anh Phạm Thanh H1, quá trình điều tra H khai sau khi sự việc xảy ra H đã vứt bỏ 02 tờ giấy đó nhưng không nhớ vứt ở đâu, do vậy Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với chiếc điện thoại Đào Thị Thanh H sử dụng liên lạc hẹn gặp anh Phạm Thanh H1 tại thành phố V là tài sản của H. Sau khi sự việc xảy ra H đã làm rơi mất chiếc điện thoại này, không rõ rơi tại đâu nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

[6] Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Các bị cáo Trần Văn D, Hoàng Văn H và Đào Thị Thanh H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do bị cáo Nguyễn Văn C thuộc diện hộ nghèo tại địa phương và có đề nghị miễn tiền án phí nên Hội đồng xét xử miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn C.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 123, điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009): Xử phạt bị cáo Trần Văn D 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cướp tài sản*” và 06 (sáu) tháng tù về tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo Trần Văn D chấp hành hình phạt chung là 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 28/9/2018).

2. Căn cứ khoản 1 Điều 123, điểm d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 50, Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009): Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cướp tài sản*” và 06 (sáu) tháng tù về tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội và hình phạt chưa chấp hành của Bản án số 82/2018/HSST ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh Phú Thọ là 01 (một) năm 03 (ba) tháng 16 (mười sáu) ngày tù, buộc bị cáo Hoàng Văn H phải chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm 03 (ba) tháng 16 (mười sáu) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày xét xử (ngày 25/01/2019).

3. Căn cứ khoản 1 Điều 123; điểm d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 50; Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999 (*sửa đổi, bổ sung năm 2009*): Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Cướp tài sản*” và 05 (năm) tháng tù về tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội và hình phạt chưa chấp hành của Bản án số 12/2018/HSST ngày 12/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc là 09 (chín) tháng 20 (hai mươi) ngày tù, buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải chấp hành hình phạt chung là 08 (tám) năm 05 (năm) tháng 20 (hai mươi) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày xét xử (ngày 25/01/2019).

4. Căn cứ khoản 1 Điều 123; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (*sửa đổi, bổ sung năm 2009*): Xử phạt bị cáo Đào Thị Thanh H 03 (ba) tháng tù về tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*” nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 09/10/2018 đến ngày 27/12/2018, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

5. Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 41, Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 (*sửa đổi bổ sung năm 2009*) và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc xi lanh nhựa có gắn kim tiêm đã qua sử dụng và 03 đoạn cành cây gỗ; trả lại cho anh Phạm Thanh H1 số tiền 800.000đ (*tám trăm nghìn đồng*) trị giá chiếc điện thoại Sam sung Galaxy Tab màu trắng.

(Các vật chứng có đặc điểm theo như biên bản giao nhận vật chứng ngày 14 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V).

6. Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Trần Văn D, Hoàng Văn H và Đào Thị Thanh H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn C.

7. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND TP V;
- Công an TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- TTG Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo và Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Mẫu Văn Mùi**